

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07-NGK/TRIBECO MIEN BAC/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Tribeco Miền Bắc

Địa chỉ: Đường D2 Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 0221 6283 628

Fax: 0221 6283 630

E-mail: hcns.hy@tribeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0900269243

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm* (Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận FSSC 22000).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC TRÁI CÂY VỊ CAM “QUÁ THẦN KỲ”**

2. Thành phần: Nước, đường HFCS, cốt cam (0,9%), chất điều chỉnh độ acid (330, 296, 331(iii)), chất làm dày (466), hương liệu cam giống tự nhiên, chất chống oxy hóa (300, 316), chất tạo ngọt tổng hợp (950, 955), phẩm màu tổng hợp (160a(i)).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và mã số nhà sản xuất xem phía trên đỉnh hộp (năm/ tháng/ ngày).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

+ Đóng hộp với thể tích thực ở 20 °C: 250 ml hay theo nhu cầu của thị trường.

+ Đóng thùng với thể tích thực ở 20 °C: 6 L (24 hộp x 250 ml) hay theo nhu cầu của thị trường.

- Chất liệu bao bì: Tetra pak. Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên: ZHANGZHOU TON YI INDUSTRIAL CO., LTD

Địa chỉ: No. 239, Dingcuo, Yangcuo Village, Jiaomei Town, Zhangzhou Taiwanese Investment Zone, Fujian Province, P.R.China.

Xuất xứ: Trung Quốc

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số: 07-NGK/TBCMB/2025 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 28 tháng 8 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu) 梁冲



DAI, ZHILIN

39243-C.
CÔNG TY
TNHH
TRIBECO
MIỀN BẮC
Y. T. HƯNG

CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC	NƯỚC TRÁI CÂY VỊ CAM “QUẢ THẦN KỲ”	Số: 07-NGK/TBCMB/2025
----------------------------------	---------------------------------------	-----------------------

BẢN TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA NHÀ SẢN XUẤT

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

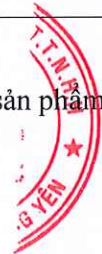
STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dung dịch dạng lỏng, cho phép có thịt quả hoặc lắng đọng.
2	Màu sắc	Màu đặc trưng của sản phẩm.
3	Mùi vị	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.

2. Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tiêu chuẩn
1	Năng lượng	kcal/100 ml	14 – 22	Tự công bố
2	Carbohydrat	g/100 ml	3,6 – 5,4	
3	Đường tổng số	g/100 ml	3,4 – 5,0	
4	Chất đạm	g/100 ml	$\leq 0,5$	
5	Chất béo	g/100 ml	$\leq 0,5$	
6	Natri	mg/100 ml	≤ 41	

3. Các chỉ tiêu an toàn:

Theo quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.



CN_S249_17_00109C_S249_28_C0028C_S249_33_P0715C_S249_43_P0375C
S249_58_P0419C



生产日期



统一出品 品质保证



魔性
放纵你的味蕾
阳光甜橙味

太魔性
放纵你的味蕾
阳光甜橙味

阳光甜橙味，
放纵你的味蕾！

品名：太魔性甜橙味果汁
配料：水、果糖糖浆、浓缩橙汁、柠檬酸、D-异抗坏血酸钠、柠檬黄、日落黄、苋菜红、D-异抗坏血酸钠、羧甲基纤维素钠、安赛蜜、蔗糖素、小麥芽糖、食用香精
果汁含量≥5%
保质期：12个月
生产日期及保质期代码：69173121
产品代码：69173121
请置于阴凉干燥处，避免阳光暴晒。
本品不含防腐剂，开罐后请尽快饮用。
若包装中有异物，为果糖成分，请搅拌均匀后饮用。
如发现胀包，请勿饮用！

营养成分表

项目	每100毫升	营养素参考值%
能量	83千焦	1%
蛋白质	0克	0%
脂肪	0克	0%
碳水化合物	4.7克	2%
钠	29毫克	1%

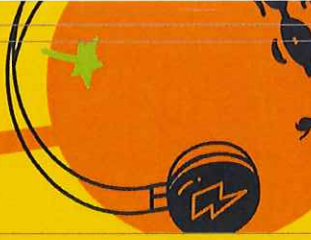
料 净含量：250毫升



INSERT STRAW/ HERE 饮管孔



太魔性
放纵你的味蕾
阳光甜橙味

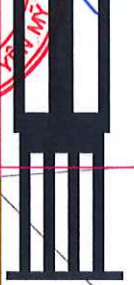


南京统一企业有限公司 制造代码：NM
地址：南京市建邺区河西大街22号 邮政编码：210015
产地：广西南宁市 食品生产许可证号：SC10645011200661
广州统一企业有限公司 制造代码：GZ
地址：广州市海珠区新会西路182号 邮政编码：510260
产地：广东省佛山市 食品生产许可证号：SC105401120048
肇庆统一企业中国投资有限公司 制造代码：ZQ
地址：131号100室 邮政编码：200335
地址：浙江省温州市白鹤街道温州南康康面行1层209号
邮政编码：353107 产地：福建省福州市 食品生产许可证号：SC1063506000113
北京统一企业有限公司 制造代码：BJ
地址：北京市昌平区东大街100号1001号
邮政编码：101400 产地：北京市怀柔区 食品生产许可证号：SC1061140012557
山东统一企业有限公司 制造代码：SD
地址：山东省临沂市兰山区经济开发区沂州路311号
邮政编码：276000 产地：江苏省苏州市 食品生产许可证号：SC1062208300440
重庆统一企业有限公司 制造代码：CQ
地址：四川省成都市温江区金马镇金马街1号
邮政编码：611337 产地：四川省成都市
食品生产许可证号：SC10651011500027
消费者服务热线：400 700 6666
序号：1932190 2020/2020



甜橙水果饮料

本产品条码为统一企业中国投资有限公司



TỔNG GIÁM ĐỐC
DAI ZHI LIN

NHÃN PHỤ SẢN PHẨM



NƯỚC TRÁI CÂY VỊ CAM “QUẢ THẦN KỲ”

Thành phần: Nước, đường HFCS, cốt cam (0,9 %), chất điều chỉnh độ acid (330, 296, 331(iii)), chất làm dày (466), hương liệu cam giống tự nhiên, chất chống oxy hóa (300, 316), chất tạo ngọt tổng hợp (950, 955), phẩm màu tổng hợp (160a(i)).

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml:

Năng lượng: 14-22 kcal Carbohydrat: 3,6-5,4 g Đường tổng số: 3,4-5,0 g Natri: ≤ 41 mg

Thể tích thực ở 20 °C: 250 ml

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và mã số nhà sản xuất xem phía trên đỉnh hộp (năm/tháng/ngày).

Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

- **Hướng dẫn sử dụng:** Sản phẩm này không nên để ngăn đông lạnh. Ngon hơn khi uống lạnh. Sau khi mở, vui lòng sử dụng ngay. Nếu thấy trong hộp có cặn lắng, là thành phần thịt hoa quả, vui lòng lắc đều trước khi uống.
- **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, không có mùi lạ, tránh ánh nắng trực tiếp.

Nhà sản xuất: Zhangzhou Ton Yi Industrial Co., Ltd

Địa chỉ: No. 239, Dingcuo, Yangcuo Village, Jiaomei Town, Zhangzhou Taiwanese Investment Zone, Fujian Province, P.R.China.

Xuất xứ: Trung Quốc

Thương nhân nhập khẩu và phân phối, chịu trách nhiệm hàng hóa: Công ty TNHH Tribeco Miền Bắc

Địa chỉ: Đường D2 Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã số doanh nghiệp: 0900269243

Điện thoại: 0221 628 3628 - Fax: 0221 6283 630

Thông tin cảnh báo: Nếu thấy bao bì bị trương phồng, vui lòng không sử dụng.

Tự công bố số: 07-NGK/TRIBECO MIEN BAC/2025



ANALYTICAL REPORT

NORTH TRIBECO CO., LTD

Street D2 Yen My II industrial park, Yen My Commune
Hung Yen province, VIETNAM
Your purchase order reference: X4GD2508060096-HN

Sample Code : 743-2025-00147408

Eol code : 005-32410-520975
 Sample described as: NƯỚC TRÁI CÂY VỊ CAM "QUÁ THẦN KỲ"
 Conditioning: Mẫu đựng trong hộp giấy
 Sample reception date: 07/08/2025 Client due date : 14/08/2025
 Analysis Time : 08/08/2025 - 18/08/2025

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD333 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ ml	ISO 15213-2:2023	Not detected (LOD=1)
2	VD374 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ ml	AOAC 975.55	Not detected (LOD=1)
3	VD0GA VD (a) <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ ml	EVN-R-RD-3-TP-3744 (2024) (Ref. ISO 16266:2006)	Not detected (LOD=1)
4	VD0G7 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Not detected (LOD=1)
5	VD6XM VD (a) <i>Fecal streptococci</i>	cfu/ ml	CMMEF - 5th edition 2015(APHA) - Chapter 10	Not detected (LOD=1)
6	VD0G4 VD (a) Aerobic Plate Count	cfu/ ml	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Not detected (LOD=1)
7	VD385 VD (a) Total yeast and mold	cfu/ ml	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Not detected (LOD=1)
8	VD344 VD (a) Coliforms	cfu/ ml	TCVN 6848:2007; ISO 4832:2006	Not detected (LOD=1)
9	VD157 VD (a) Dietary fiber	g/ 100 ml	AOAC 991.43	Traces(<0.2)
10	VW081 VW (a) Total fat	g/ 100 ml	N79-R-RD1-TP-9756 (Ref. TCVN 8136:2009)	Not detected (LOD=0.1)
11	VWWS6 VW Carbohydrates	g/ 100 ml	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	4.5
12	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	2.52
13	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	1.67
14	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	Not detected (LOD=0.15)
15	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	Not detected (LOD=0.15)
16	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	Not detected (LOD=0.15)





ANALYTICAL REPORT

Sample Code : 743-2025-00147408

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
17	VD4P0 VD (a) Total sugars	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	4.19
18	VD279 VD (a) Sodium (Na)	mg/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	14.8
19	VD070 VD (a) Patulin	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5629 (Ref. AOAC 2000.02)	Not detected (LOD=5)
20	VW076 VW Lead (Pb)	mg/ l	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
21	VD40E VD (a) 2-phenylphenol (sum of 2-phenylphenol and its conjugates, expressed as 2-phenylphenol)	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.003)
22	VWL74 VW Energy value	kcal/ 100 ml	FAO 2003 77	18
23	VD3PB VD (a) Piperonyl butoxide	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.003)
24	VD3KU VD (a) Propargite	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.003)
25	VD9D0 VD (a) Protein	g/ 100 ml	TCVN 10034:2013 ; ISO 1871:2009	0.08

Traces: result \geq LOD and $<$ LOQ.

LOD: Limit Of Detection.

LOQ: Limit Of Quantitation.

SIGNATURE



Trần Thị Mỹ Dung
Business Unit Manager Northern Branch



Lý Hoàng Hải
Managing Director

Report electronically validated by Trần Thị Mỹ Dung 20/08/2025, and electronically approved by Lý Hoàng Hải 20/08/2025.

EXPLANATORY NOTE

Samples are normally kept for 7 days after issuing the test report (sample retention does not apply to microbiological and perishable samples). The sample retention may be longer depending on the contract agreed with the client or requirement of authorities.

Once the sample retention time expires, Eurofins Sac Ky Hai Dang is not responsible for client complaints about test results.

This result report is issued based on the agreed requirements between Eurofins Sac Ky Hai Dang and client; and, in accordance with "general terms and conditions of service", published at www.eurofins.vn/en/eurofins-network-in-vietnam/eurofins-sac-ky-hai-dang/general-terms-conditions-of-services-supply/.

Any unauthorized copy, alteration, forgery or falsification of content or appearance of this document is illegal and violators may be prosecuted to the law.

All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang.

All test methods (AOAC, internal method,...) which did not state the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.

Test codes begin with "VD", "VE", "VW" and do not have "EXT" attached are performed at Eurofins Sac Ky Hai Dang.

(a): under accreditation of ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC

Đường D2 Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Xã Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2508060096-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00147408

Mã số Eol :

005-32410-520975

Tên mẫu :

NƯỚC TRÁI CÂY VỊ CAM "QUÁ THẦN KỲ"

Tình trạng mẫu :

Mẫu đựng trong hộp giấy

Ngày nhận mẫu :

07/08/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 14/08/2025

Thời gian thử nghiệm :

08/08/2025 - 18/08/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD333 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ ml	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=1)
2	VD374 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ ml	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=1)
3	VD0GA VD (a) <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ ml	EVN-R-RD-3-TP-3744 (2024) (Tham khảo ISO 16266:2006)	Không phát hiện (LOD=1)
4	VD0G7 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
5	VD6XM VD (a) <i>Fecal streptococci</i>	cfu/ ml	CMMEF - tái bản lần thứ 5 2015 (APHA) - Chương 10	Không phát hiện (LOD=1)
6	VD0G4 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ ml	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=1)
7	VD385 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ ml	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện (LOD=1)
8	VD344 VD (a) Coliforms	cfu/ ml	TCVN 6848:2007; ISO 4832:2006	Không phát hiện (LOD=1)
9	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 ml	AOAC 991.43	Phát hiện vết(<0.2)
10	VW081 VW (a) Chất béo	g/ 100 ml	N79-R-RD1-TP-9756 (Tham khảo TCVN 8136:2009)	Không phát hiện (LOD=0.1)
11	VWWS6 VW Carbohydrat	g/ 100 ml	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	4.5
12	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	4.19
13	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	2.52
14	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	1.67
15	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00147408

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
17	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
18	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	14.8
19	VD070 VD (a) Patulin	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5629 (Tham khảo AOAC 2000.02)	Không phát hiện (LOD=5)
20	VD40E VD (a) 2-phenylphenol (Tổng của 2-phenylphenol và các liên hợp, quy về 2-phenylphenol)	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
21	VD9D0 VD (a) Chất đạm	g/ 100 ml	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	0.08
22	VWL74 VW Năng lượng	kcal/ 100 ml	FAO 2003 77	18
23	VD3PB VD (a) Piperonyl butoxid	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
24	VD3KU VD (a) Propargit	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
25	VW076 VW Chì (Pb)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)

Phát hiện vết: kết quả \geq LOD và $<$ LOQ.
 LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
 LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 20/08/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 20/08/2025.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

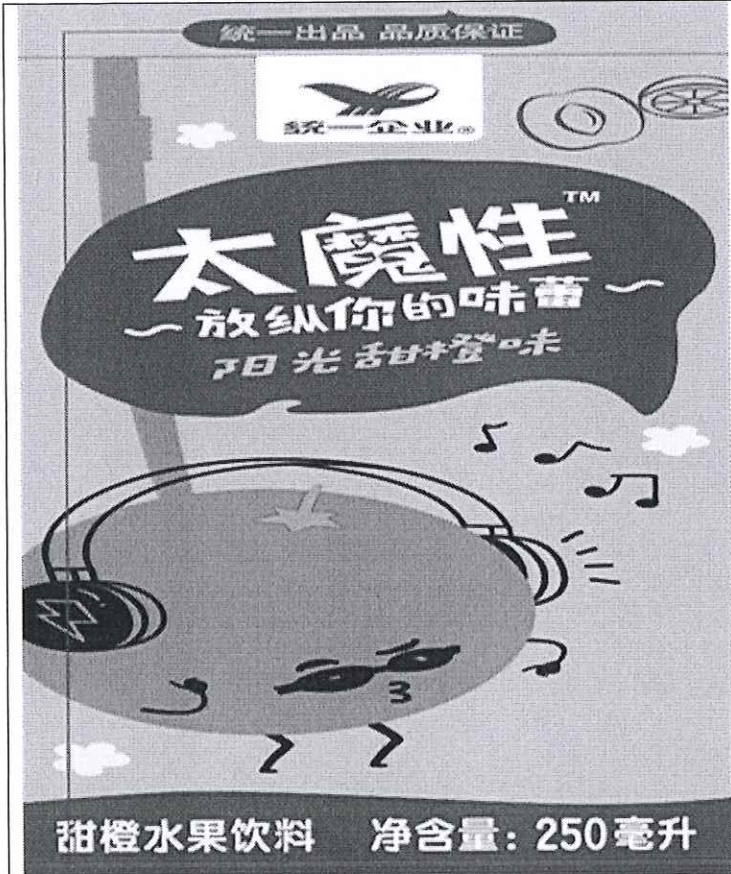
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





Sản phẩm của Uni-President
Bảo đảm chất lượng sản phẩm

Uni-President

Quá thần kỳ

Hương cam ngọt ngào rực nắng – Đánh thức vị giác của bạn!

Nước trái cây vị cam

Thể tích thực: 250 ml

**阳光甜橙味，
放纵你的味蕾！**

品名：太魔性甜橙水果饮料
 配料：水、果葡糖浆、浓缩橙汁、柠檬酸、DL-苹果酸、柠檬酸钠、维生素C、D-异抗坏血酸钠、羧甲基纤维素钠、安赛蜜、蔗糖素、β-胡萝卜素、食用香精
 橙汁含量≥5%
 保质期：12个月
 生产日期及制造商代码：标于盒顶
 产品标准代号：GB/T 31121
 请置于阴凉干燥无异味处，避免阳光暴晒！
 本品不宜冷冻，冷藏后饮用风味更佳。开启后请及时饮用。
 若包中有沉淀物，为果肉成分，请摇匀后饮用。
 如发现胀包，请勿饮用！

营养成分表

项目	每100毫升	营养素参考值%
能量	83千焦	1%
蛋白质	0克	0%
脂肪	0克	0%
碳水化合物	4.7克	2%
钠	29毫克	1%

Hương cam ngọt ngào rực nắng – Đánh thức vị giác của bạn!

Tên sản phẩm: Nước trái cây vị cam “Quá thần kỳ”

Thành phần: Nước, đường HFCS, cốt cam, acid citric, acid malic (DL-), trinitrat citrat, vitamin C, natri erythorbat, natri carboxymethyl cellulose, acesulfam kali, sucralose, β-carotene, hương liệu thực phẩm.

Hàm lượng nước ép cam: ≥ 5%

Hạn sử dụng: 12 tháng

Ngày sản xuất và mã nhà sản xuất: xem phía trên đỉnh hộp

Mã tiêu chuẩn sản phẩm: GB/T 31121

Vui lòng bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, không có mùi lạ, tránh ánh nắng trực tiếp.

Sản phẩm này không nên để ngăn đông lạnh. Ngon hơn khi uống lạnh.

Sau khi mở, vui lòng sử dụng ngay.

Nếu thấy trong hộp có cặn lắng, là thành phần thịt hoa quả, vui lòng lắc đều trước khi uống.

Nếu thấy bao bì bị trương phồng, vui lòng không sử dụng.

BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG

Hạng mục	Mỗi 100ml	NRV%
Năng lượng	83 kJ	1 %

BẢN DỊCH

Protein	0 g	0 %
Chất béo	0 g	0 %
Carbohydrat	4.7 g	2 %
Natri	29 mg	1 %

南宁统一企业有限公司 制造(代码: NN)
地址: 南宁市东盟经济开发区武华大道29号 邮政编码: 530105
产地: 广西南宁市 食品生产许可证编号: SC10645011200061
广州统一企业有限公司 制造(代码: GZ)
地址: 广州市黄埔区南岗镇康南路788号 邮政编码: 510760
产地: 广东省广州市 食品生产许可证编号: SC10544011200048
委托方: 统一企业(中国)投资有限公司 地址: 上海市长宁区临虹路131号101室 邮政编码: 200335
被委托方1: 漳州统实包装有限公司 制造(代码: ZT)
地址: 福建省漳州台商投资区角美镇杨厝村丁厝239号
邮政编码: 363107 产地: 福建省漳州市 食品生产许可证编号: SC10635060600113
被委托方2: 北京统实饮品有限公司 制造(代码: BJ)
地址: 北京市怀柔区怀柔镇大中富乐工业小区C栋
邮政编码: 101400 产地: 北京市怀柔区 食品生产许可证编号: SC10611160312557
被委托方3: 昆山统实企业有限公司 制造(代码: KS)
地址: 江苏省昆山经济技术开发区青阳南路301号
邮政编码: 215300 产地: 江苏省苏州市 食品生产许可证编号: SC10632058300440
被委托方4: 四川统实企业有限公司 制造(代码: CD)
地址: 四川省成都市温江区成都海峡两岸科技产业开发园蓉台大道北段18号附1号 邮政编码: 611137 产地: 四川省成都市
食品生产许可证编号: SC10651011500027
消费者服务热线: 400 700 0660
料号: 2321780 2020/2020



本产品条码注册人为 统一企业(中国)投资有限公司

Nanning President Enterprises Co., Ltd.
Địa chỉ sản xuất (Mã: NN): Số 29, Đại lộ Vũ Hoa, Khu phát triển kinh tế ASEAN, Thành phố Nam Ninh (No. 29, Wuhua Avenue, ASEAN Economic Development Zone, Nanning City)
Mã bưu chính: 530105
Nơi xuất xứ: Thành phố Nam Ninh, Quảng Tây
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10645011200061

Guangzhou President Enterprises Corp.
Địa chỉ sản xuất (Mã: GZ): Số 788, đường Khang Nam, thị trấn Nam Cương, quận Hoàng Phố, thành phố Quảng Châu (No. 788, Kangnan Road, Nangang Town, Huangpu District, Guangzhou City)
Mã bưu chính: 510760
Nơi xuất xứ: Thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10544011200048

Bên ủy thác: Uni-President Enterprises (China) Investment Ltd.
Địa chỉ: Phòng 101, số 131 đường Lâm Hồng, khu Trường Ninh, thành phố Thượng Hải (No.131, Linhong Rd, Shanghai Hongqiao LinKong Economic Zone, Changning District, Shanghai City)
Mã bưu chính: 200335

Bên được ủy thác 1: Zhangzhou Ton Yi Industrial Co., Ltd.
Địa chỉ sản xuất (Mã: ZT): Số 239 Đình Thố, thôn Dương Thố, thị trấn Giác Mỹ, khu đầu tư Đài Thương Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc (No. 239, Dingcuo, Yangcuo Village, Jiaomei Town, Zhangzhou Taiwanese Investment Zone, Fujian Province, P.R.China)
Mã bưu chính: 363107
Nơi xuất xứ: Thành phố Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10635060600113

Bên được ủy thác 2: Beijing President Enterprises Drinks Co., Ltd. sản xuất (Mã BJ)
Địa chỉ: Tòa nhà C, Tiểu khu công nghiệp Đại Trung Phú Lạc, Thị trấn Hoài Nhu, Quận Hoài Nhu, Thành phố Bắc Kinh (Building C, Dazhongfule Industrial Zone, Huairou Town, Huairou District, Beijing City)
Mã bưu chính: 101400
Nơi xuất xứ: Quận Hoài Nhu, Thành phố Bắc Kinh
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10611160312557

Bên được ủy thác 3: Kunshan Tongshi Enterprise Co., Ltd. sản xuất (Mã KS)



Handwritten signature

BẢN DỊCH

Địa chỉ: Số 301, đường Thanh Dương Nam, khu phát triển kinh tế kỹ thuật Côn Sơn, tỉnh Giang Tô (No. 301, Qingyang South Road, Kunshan Economic and Technological Development Zone, Jiangsu Province)
Mã bưu chính: 215300

Nơi xuất xứ: Thành phố Tô Châu, tỉnh Giang Tô
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10632058300440

Bên được ủy thác 4: Sichuan Tongshi Enterprise Co., Ltd.
Địa chỉ sản xuất (Mã: CD): Số 1/18, đoạn bắc đại lộ Dung Đài, Khu phát triển công nghiệp khoa học công nghệ hai bờ eo biển Đài Loan - Thành Đô, quận Ôn Giang, thành phố Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên (No. 18, North Section of Rongtai Avenue, Taiwan – Chengdu Cross-Strait Science and Technology Industrial Development Park, Wenjiang District, Chengdu City, Sichuan Province)

Mã bưu chính: 611137

Nơi xuất xứ: Thành phố Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên

Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10651011500027

- Đường dây nóng dịch vụ người tiêu dùng: 4007000660

- Mã liệu: 2321780 2020/2020

Người đăng ký mã vạch sản phẩm này là Uni President Enterprises (China) Investment Ltd.

CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC

TỔNG GIÁM ĐỐC DAI ZHI LIN

Đã kí và đóng dấu

ll

